

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2021/KDTM-PT**

Ngày 30 tháng 11 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Thông**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Nhật**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2021/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T; địa chỉ trụ sở: tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Văn T** – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền, gồm có: Ông **Nguyễn Trọng Q** (Phó Giám đốc); ông **Trương Bá L** (Trưởng Phòng kỹ thuật); cùng địa chỉ trụ sở làm việc: tỉnh Hải Dương), theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019, có mặt.

- Bị đơn: Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc; địa chỉ trụ sở: Korea.

Địa chỉ Văn phòng tại V:, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện tại V: Ông Choi Song R – Giám đốc Dự án và ông Moon Il Y – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Tùng B, ông Nguyễn Vũ M, ông Huỳnh Thanh K; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Lý H, luật sư, văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người phiên dịch tiếng Anh theo sự lựa chọn của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh K – Nhân viên Phòng kế hoạch và ông Nguyễn Vũ M – Trưởng phòng Xây dựng hạ tầng Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc – Văn phòng tại V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các văn bản trình bày ý kiến, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T (sau đây viết tắt là Công ty T) trình bày:

Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc (sau đây viết tắt là Công ty L) là nhà thầu chính của Gói thầu xây lắp A4 Dự án đường cao tốc X (Km110+100 – Km124+700) do Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc V (V) làm Chủ đầu tư. Quá trình thực hiện Gói thầu, Công ty L đã sử dụng một số đường nằm trên địa bàn huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu, di chuyển máy móc, thiết bị... bao gồm các tuyến: Ngân Giang – Tịnh Thọ (ĐH16B), tuyến Bình Hiệp – Tịnh Trà (ĐH15), tuyến ĐT.622C – Tịnh Thọ (ĐH20 – Trường Xuân – QL24B – Tịnh Thọ), tuyến tỉnh lộ ĐT.622C, tuyến QL24B.

Sau khi thực hiện xong Gói thầu và theo yêu cầu của địa phương, Công ty L phải có trách nhiệm cải tạo, sửa chữa để hoàn trả lại nguyên trạng các tuyến đường trên. Triển khai phần việc này, Công ty L đã đồng ý lựa chọn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T là đơn vị chịu trách nhiệm thi công. Sau một quá trình thỏa thuận, ngày 06/6/2018, Công ty L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T đã ký Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 về việc “*Thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công ở Dự án xây dựng đường cao tốc X, Gói thầu A4*”.

Công ty T xin lý giải về sự thay đổi tên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T (đơn vị thi công) như sau: Để thuận tiện cho hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, tháng 5/2019 Công ty T đã làm thủ tục

đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp từ tên “Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T” thành tên “Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T” tại Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh đã chấp thuận cho Công ty T thay đổi tên thông qua việc thu hồi lại Giấy chứng nhận đăng ký cũ và cấp đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký mới vào ngày 14/5/2019.

Vì lý do thay đổi tên không phải là hình thức chấm dứt doanh nghiệp cũ và hình thành nên doanh nghiệp mới nên “mã số doanh nghiệp” của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T và nay là Công ty T đều như nhau: 0800836065. Mã số này cũng đồng thời được ghi nhận tại phần chủ thể của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ký ngày 06/6/2018 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T và Công ty L. Theo quy định của pháp luật, các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm phát sinh từ quan hệ hợp đồng giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T với Công ty L cũng là các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty T với Công ty L.

Ngay sau đó, Công ty T đã gửi văn bản thông báo tới Công ty L về sự thay đổi này; Công ty L đã nhận được và hoàn toàn nhất trí trong việc phối hợp, làm việc với Công ty T để giải quyết các vấn đề phát sinh từ Hợp đồng.

Nội dung chính của Hợp đồng:

- Phạm vi công việc: Bên A thuê Bên B thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X (bao gồm thiết kế bản vẽ thi công) và những phần công việc phát sinh thêm dựa trên thỏa thuận của các bên;

- Đơn giá Hợp đồng được xác định là 95% đơn giá được Chủ đầu tư phê duyệt; đơn giá của khảo sát, thiết kế là 1.50% tổng giá trị xây dựng đề xuất được phê duyệt bởi Ban quản lý dự án.

Về đơn giá và giá trị Hợp đồng, Công ty T xin trình bày thêm: Sau khi Công ty L và Công ty T ký kết Hợp đồng, Chủ đầu tư (thông qua Ban Quản lý dự án đường cao tốc X) đã ban hành các văn bản sau để phê duyệt/điều chỉnh Dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng quy định tại Hợp đồng:

- + Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 V/v: Phê duyệt Dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu A4 (Km110+100 – Km124+700) Dự án xây dựng đường cao tốc X – .

Theo Quyết định này, giá trị dự toán được phê duyệt đối với hạng mục hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu xây lắp A4 (đã bao gồm VAT) là: 20.441.576.219 đồng và 93.084,85 USD.

+ Quyết định số 20A/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018 V/v Điều chỉnh quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 của Giám đốc Ban QLDA đường cao tốc ĐN-QN về việc Phê duyệt Dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu A4 (Km110+100 – Km124+700) Dự án đường cao tốc X – . Giá trị dự toán các hạng mục của Hợp đồng được Chủ đầu tư phê duyệt theo Quyết định này tương tự như Quyết định 20.

Tuy nhiên, đến ngày 04/10/2018, Ban Quản lý dự án đường cao tốc X – đã phát hành Văn bản số EPMU-PKA4-18-38 gửi Giám đốc Tư vấn giám sát (ông Gordon E) và Nhà thầu A4 (L) với nội dung: “*Nay Ban quản lý Dự án đường cao tốc X – thu hồi các Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 về việc Phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu A4 và số 20A/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018 về việc điều chỉnh quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 – Gói thầu A4, để báo cáo Tổng Công ty DTPT đường cao tốc V chấp thuận trước khi Ban QLDA phê duyệt*”.

Từ đó đến nay, Chủ đầu tư (V) và Ban Quản lý dự án không ban hành bất kỳ quyết định hay văn bản nào để phê duyệt dự toán của gói thầu.

- Thanh toán: Hàng tháng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên khối lượng công việc Bên B hoàn thành và được Bên A chấp thuận sau khi đã trừ đi 5% giá trị bảo hành.

- Thời hạn thanh toán được xác định trong vòng 03 ngày sau khi Bên A nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư.

- Tiền tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% trên tổng giá trị đề xuất được phê duyệt bởi Ban Quản lý dự án và thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được bảo lãnh tạm ứng.

- Thời hạn hợp đồng: được bắt đầu từ ngày 07/6/2018 và hoàn thành trong vòng 30 ngày sau khi bản vẽ thi công được phê duyệt bởi Ban Quản lý dự án đường cao tốc X – .

Ngoài ra, Hợp đồng còn ghi nhận các thỏa thuận khác của hai bên về trường hợp bất khả kháng, các trường hợp chấm dứt hợp đồng...

Thực hiện Hợp đồng, Công ty T đã tập kết máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và nhân công để tiến hành thi công các hạng mục hoàn trả theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đã cam kết tại Hợp đồng. Công ty T đã thực hiện xong công việc cam kết và bàn giao cho Nhà thầu chính để Công ty L bàn giao cho Chủ đầu tư và chính quyền địa phương, cụ thể:

- Ngày 02/10/2018, đại diện Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi, đại diện Chủ đầu tư, đại diện Tư vấn giám sát, đại diện Công ty L ký “Biên bản nghiệm thu

hoàn thành công trình, hạng mục công trình bàn giao để đưa vào khai thác sử dụng” đối với tuyến tỉnh lộ ĐT.622C và Tuyến QL 24B.

- Ngày 02/10/2018, đại diện Ủy ban nhân dân huyện S, đại diện Chủ đầu tư, đại diện Tư vấn giám sát, đại diện Công ty L đã ký “Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình bàn giao để đưa vào khai thác sử dụng” đối với các tuyến: Ngân Giang – Tịnh Thọ (ĐH16B), tuyến Bình Hiệp – Tịnh Trà (ĐH15), Tuyến ĐT.622C – Tịnh Thọ (ĐH20 – Trường Xuân – QL24B – Tịnh Thọ).

Theo hồ sơ đã được Công ty L xác nhận, tổng giá trị thi công thực tế của Công ty T phát sinh từ Hợp đồng là 24.004.499.090 đồng – đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (theo Văn bản số L.A4-CDM-18-248 ngày 21/12/2018 của Công ty L về việc đệ trình lại hồ sơ Dự toán hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công). Kết quả này được xác định trên cơ sở khối lượng thi công thực tế của Công ty T được Công ty L công nhận và đơn giá do hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, từ khi trình Văn bản này tới nay, Chủ đầu tư không có ý kiến phúc đáp vì V xác định đây là vấn đề nội bộ trong quan hệ hợp đồng kinh tế giữa Công ty L và Công ty T, không liên quan đến Chủ đầu tư.

Công ty L đã thanh toán cho Công ty T số tiền 6.140.534.659 đồng. “Khoản nợ gốc” còn lại mà Công ty L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là 17.863.964.431 đồng, trong đó giá trị phí bảo hành 5% sẽ là: $5\% \times 24.004.499.090 \text{ đồng} = 1.200.224.954 \text{ đồng}$.

Mặc dù đã hơn 01 năm kể từ thời điểm công trình được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, Công ty T vẫn chưa được Công ty L thanh toán số tiền 17.863.964.431 đồng còn lại.

Theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng, Công ty L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T theo trình tự, thủ tục sau:

- Hoàn thành công tác xây dựng ở hiện trường với chất lượng và kích thước phù hợp với bản vẽ thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật dự án;

- Công việc có đầy đủ hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu theo yêu cầu của dự án và quy định hiện hành. Hồ sơ trên được ký bởi Nhà thầu chính/Tư vấn giám sát/V;

- Thanh toán sẽ được chuyển vào Nhà thầu phụ trong vòng 03 ngày sau khi Nhà thầu chính nhận được nó từ Chủ đầu tư;

Tuy nhiên đến nay, do tồn tại vướng mắc trong việc xác định nghĩa vụ, giá trị giữa Chủ đầu tư (V) và Công ty L nên Công ty T không thể hoàn thành các thủ tục, tài liệu trên để hoàn thiện hồ sơ thanh toán. Điều này hoàn toàn không xuất phát từ lỗi của Công ty T mà là lỗi của Công ty L và V.

Về phía Công ty L không đưa ra giải pháp khả thi, rõ ràng nào mà đẩy hết trách nhiệm cho Chủ đầu tư (V) khi viện dẫn điều khoản quy định tại điểm 4.2.2 khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc: *“tiền thanh toán cho các hạng mục do Công ty T thi công sẽ được thực hiện trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhà thầu chính nhận được tiền từ Chủ đầu tư”*.

Tuy nhiên, qua xem xét các văn bản phúc đáp của Chủ đầu tư, Công ty T nhận thấy quan điểm của V không đồng ý thanh toán hạng mục công việc này cho Công ty L. Theo đó, V cho rằng toàn bộ dự toán chi phí thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X – , Gói thầu A4 thuộc về trách nhiệm của Nhà thầu chính. Nói cách khác, V xác định Chủ đầu tư không có nghĩa vụ/trách nhiệm thanh toán thêm bất kỳ khoản chi phí nào phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục hoàn trả đường địa phương do bị ảnh hưởng trong quá trình Nhà thầu chính thi công đường cao tốc X – (quan điểm trên của V thể hiện rất rõ tại Văn bản số EPMU-WB-19-51 ngày 04/5/2019).

Điều này cho thấy, việc Công ty L đẩy toàn bộ nguyên nhân của việc chậm thanh toán giá trị thi công cho Chủ đầu tư là không có căn cứ và không thuyết phục. Sự khước từ nghĩa vụ của V liên quan đến hạng mục thi công trong Hợp đồng nguyên tắc là cơ sở cho thấy thỏa thuận giữa Công ty L và Công ty T tại điểm 4.2.2 khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc là không có giá trị thực thi.

Do không có cơ sở chứng minh nghĩa vụ của Chủ đầu tư đối với các hạng mục nêu tại Hợp đồng nguyên tắc nên Công ty L phải thanh toán vì họ là Nhà thầu chính của Gói thầu A4, đồng thời là đơn vị ký hợp đồng thuê Công ty T thi công. Quá trình làm việc, Công ty L cũng nhận thức rất rõ trách nhiệm này nên đã thanh toán cho Công ty T khoảng 25% giá trị Hợp đồng nguyên tắc. Đối với khoản nghĩa vụ còn lại, Công ty T đã nhiều lần giao thiệp, đề nghị, yêu cầu nhưng Công ty L một mực vin vào việc Chủ đầu tư chưa thanh toán nên chưa trả.

Sự việc Công ty L chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã xâm phạm nghiêm trọng và nặng nề tới quyền, lợi ích của Công ty T. Công ty T là doanh nghiệp nhỏ, trong khi khoản nợ của Công ty L quá lớn, tiêu tốn tất cả nguồn lực của doanh nghiệp.

Trong năm 2019, Công ty T (trước đây là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T) đã ban hành nhiều văn bản nhắc nhở, đôn đốc, yêu cầu Công ty L thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị hạng mục thi công theo Hợp đồng. Gần đây nhất, vào ngày 23/10/2019, Công ty T đã gửi văn bản tới Công ty L có nội dung ấn định thời hạn cuối cùng phải trả tiền thi công còn lại; trường hợp không được chấp nhận, Công ty T sẽ thực hiện tính lãi trên tiền nợ gốc chậm trả và khởi kiện tranh chấp tới Tòa án có thẩm quyền. Mặc dù vậy, Công ty L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà tiếp tục đẩy trách nhiệm về phía Chủ đầu tư. Hiện

tại, các khoản vay của Công ty T đã quá hạn; Công ty đối diện với khả năng bị Ngân hàng thu hồi tài sản thế chấp và các chủ nợ khác khởi kiện ra Tòa án.

Nhận thấy Công ty L không có thiện chí trong việc giải quyết tranh chấp, vì vậy Công ty T nhận thấy phải đệ trình vụ việc tới Tòa án có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Từ các nội dung đã trình bày, Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Xác định giá trị thi công phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 mà Công ty L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T là 24.004.499.090 đồng.

2. Buộc Công ty L phải thanh toán khoản giá trị thi công còn lại là 17.863.964.431 đồng.

3. Buộc Công ty L phải trả tiền lãi cho khoản giá trị thi công chưa thanh toán tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày 02/12/2019, sau khi trừ đi khoản tiền bảo hành 5%, với mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: $(24.004.499.090 \text{ đồng} \times 95\% - 6.140.534.659 \text{ đồng}) \times 14 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 1.944.102.938,925 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm ngày 03/12/2019, tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty L phải trả là 19.808.067.370,925 đồng.

4. Buộc Công ty L phải trả tiếp cho Công ty T khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 03/12/2019 đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Đối với ý kiến của Công ty L tại văn bản số LOTTE.A4-GEN-20-002 ngày 09/3/2020 và số LOTTE.A4-GEN-20-007 đề ngày 31/7/2020, Công ty T có ý kiến như sau:

- Về nguyên nhân chủ đầu tư (V) chưa phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công gói thầu A4: Tại “Văn bản trình bày”, Công ty L cho rằng nguyên nhân chủ đầu tư (V) chưa phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng là do nhà thầu phụ (Công ty T) chưa gửi hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán bản gốc. Do đó, Công ty L không có căn cứ để đệ trình lên chủ đầu tư. Công ty T không đồng ý quan điểm Công ty L đưa ra bởi:

Thứ nhất, T xác định việc phê duyệt dự toán hạng mục thi công công trình hoàn trả hoàn toàn không liên quan đến việc hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán của nhà thầu phụ đã được đệ trình hay chưa đệ trình. Căn cứ Điều 12 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng thì Dự toán gói thầu xây dựng phải được thực hiện trước khi lựa chọn nhà thầu xây dựng.

Trong khi đó hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán lại là các tài liệu phát sinh sau khi nhà thầu hoàn tất việc thi công công trình.

Trên tinh thần khoản 2 Điều 15 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Công ty T được phép hiểu rằng dự toán gói thầu đã được phê duyệt có thể có trước khi lựa chọn nhà đầu tư.

Thực tế, như đã trình bày ở trên, vào các ngày 24 và ngày 27/8/2018 (tức thời điểm chưa có hồ sơ quyết toán hay hồ sơ hoàn công của nhà thầu) Chủ đầu tư (thông qua Ban Quản lý dự án) đã từng ban hành 02 văn bản phê duyệt Dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bao gồm: Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 và Quyết định số 20a/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018.

Tuy nhiên, đến ngày 04/10/2018, Ban Quản lý dự án đã phát hành văn bản số EPMU-PKA4-18-38 gửi Giám đốc Tư vấn giám sát (ông Gordon E) và Nhà thầu A4 (L) với nội dung: *“Nay Ban quản lý Dự án đường cao tốc X – thu hồi các Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 về việc Phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu A4 và số 20A/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018 về việc điều chỉnh quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 – Gói thầu A4, để báo cáo Tổng Công ty ĐTPT đường cao tốc V chấp thuận trước khi Ban QLDA phê duyệt”*.

Rõ ràng, việc thu hồi 02 văn bản phê duyệt dự toán của Ban Quản lý dự án cũng chưa từng xuất phát từ nguyên nhân do nhà thầu chưa đệ trình hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán mà do phía Ban Quản lý dự án cần báo cáo Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V chấp thuận trước khi Ban Quản lý dự án phê duyệt. Do vậy, Công ty T xác định lý do Công ty L đưa ra không có căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế.

Thứ hai, căn cứ văn bản số MPMU-PKA4-19-31 ngày 07/01/2019 của Chủ đầu tư trả lời về vướng mắc trong việc xem xét hồ sơ của gói Hoàn trả A4, Chủ đầu tư xác định *“L chưa đệ trình việc hoàn thành các hạng mục 01600 theo chỉ dẫn kỹ thuật sau khi có công văn thực hiện công tác hoàn trả đường địa phương cũng như biên bản hoàn thành bàn giao cho địa phương trước khi thực hiện Mục 01620 hoàn trả đường địa phương”*. Công ty T xin trình bày, hạng mục 01600 là hạng mục duy trì và bảo đảm giao thông được Công ty L và V xác định là một hạng mục tách biệt với hạng mục 01620 (hạng mục hoàn trả) do Công ty T thực hiện. Theo quy trình thi công, Công ty L phải hoàn thành và chứng minh việc hoàn thành hạng mục 01600 này trước khi thực hiện hạng mục 01620 (hạng mục hoàn trả). Công ty L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành hạng mục 01600 là nguyên nhân trực tiếp khiến Chủ đầu tư không phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả (hạng mục 01620) do Công ty T thực hiện. Đây cũng chính

là nguyên nhân dẫn đến việc Công ty T không thể tiến hành các bước tiếp theo để thực hiện thủ tục hoàn công và quyết toán công trình. Do vậy, việc Chủ đầu tư không phê duyệt dự toán các hạng mục hoàn trả gói thầu A4 hoàn toàn là lỗi của Công ty L mà không phải lỗi của Công ty T.

Thứ ba, liên quan đến việc Công ty T chưa thể gửi hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán bản gốc cho Công ty L, Công ty T xin giải trình như sau: Toàn bộ hồ sơ đề nghị hoàn công và hồ sơ đề nghị quyết toán liên quan đến hạng mục hoàn trả công trình bị ảnh hưởng thi công, T đã hoàn thiện đầy đủ (bản gốc). Đồng thời, Công ty T đã gửi toàn bộ hồ sơ bản sao cho Công ty L. Giữa Công ty L và Công ty T đã có sự thống nhất về việc khi Công ty L thống nhất việc hoàn thiện hồ sơ với V, Công ty T sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ bản gốc cho Công ty L để thực hiện đệ trình. Nội dung này được thống nhất trên cơ sở bảo toàn tính nguyên vẹn của hồ sơ, tránh thất lạc giấy tờ quan trọng. Tuy nhiên, sau đó do Công ty L và V không thống nhất được phương án phê duyệt Dự toán nên việc đệ trình hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán không thể thực hiện. Nên, toàn bộ hồ sơ bản gốc vẫn do Công ty T trực tiếp lưu giữ. Công ty T một lần nữa khẳng định rằng, sự chậm trễ và khó khăn trong việc quyết toán và thanh toán giá trị hợp đồng chưa khi nào xuất phát từ lỗi không hoàn thiện hồ sơ gốc của Công ty T như Công ty L đã trình bày. Trong mọi trường hợp, Công ty T đồng ý đưa bản gốc ra để Công ty L đối chiếu khi làm việc với Chủ đầu tư hay tại Tòa án. Đến ngày 12/10/2020, Công ty T đã bàn giao toàn bộ hồ sơ bản gốc nêu trên cho Công ty L theo Biên bản giao nhận được lập giữa 02 bên mà Công ty T đã nộp cho Tòa án.

Thứ tư, như nội dung đã trình bày trước đó, căn cứ văn bản trao đổi và phúc đáp của chủ đầu tư, V vẫn giữ quan điểm không thanh toán giá trị hạng mục hoàn trả cho Công ty L và cho rằng toàn bộ dự toán chi phí thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X – , Gói thầu A4 thuộc về trách nhiệm của Nhà thầu chính. Nói cách khác, V xác định Chủ đầu tư không có nghĩa vụ/trách nhiệm thanh toán thêm bất kỳ khoản chi phí nào phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục hoàn trả đường địa phương do bị ảnh hưởng trong quá trình Nhà thầu chính thi công đường cao tốc X – (quan điểm trên của V thể hiện rất rõ tại Văn bản số EPMU-WB-19-51 ngày 04/5/2019), nghĩa là giữa Chủ đầu tư với Công ty L đang có tranh chấp về việc ai sẽ là người chịu trách nhiệm cho chi phí phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục hoàn trả đường địa phương do bị ảnh hưởng Dự án đường cao tốc X – và đến nay vấn đề này vẫn chưa được giải quyết. Do đó, Công ty T cho rằng việc Công ty L có quan điểm về việc chậm hoàn thiện thủ tục thanh toán do lỗi của Công ty T trong việc không đệ trình hồ sơ để trình nhà đầu tư phê duyệt dự toán là hoàn toàn không chính xác.

- Về việc xác định giá trị thi công yêu cầu Công ty L thanh toán: Công ty T bảo lưu toàn bộ nội dung đã trình bày về việc xác định giá trị thi công thực thực tế,

nghĩa vụ thanh toán tiền “nợ gốc còn lại” và tiền lãi phát sinh đã trình bày tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai.

Sở dĩ Công ty T bảo lưu toàn bộ yêu cầu trên bởi với tư cách của Chủ đầu tư, V đã có quan điểm khước từ nghĩa vụ liên quan đến hạng mục thi công hoàn trả đường địa phương theo Hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết giữa Công ty L và Công ty T. Điều này là cơ sở cho thấy thỏa thuận giữa Công ty L và Công ty T tại điểm 4.2.2. khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc là không có giá trị thực thi.

Do không có cơ sở chứng minh nghĩa vụ của Chủ đầu tư đối với các hạng mục nêu tại Hợp đồng nguyên tắc nên Công ty L phải thanh toán vì họ là Nhà thầu chính của Gói thầu A4, đồng thời là đơn vị ký hợp đồng thuê Công ty T thi công.

Công ty L đang nhầm lẫn giữa hồ sơ hoàn thành và hồ sơ hoàn công, vì theo quy định tại khoản 4.2 Điều 4, Công ty L sẽ tạm ứng cho Công ty T theo khối lượng đã thực hiện, sau khi trừ đi giá trị 5% bảo hành, nghĩa là 95% giá trị hợp đồng được Công ty L tạm ứng cho Công ty T sau khi hoàn thành công trình, và theo thỏa thuận là tạm ứng hàng tháng, chứ không phải là tạm ứng sau khi công trình hoàn thành; còn hồ sơ hoàn công chỉ có giá trị thanh toán cho 5% còn lại (chi phí bảo hành), nên việc cung cấp hồ sơ hoàn công cho Công ty L hay không thì cũng không có ý nghĩa trong việc thanh toán 95% giá trị hợp đồng.

Ngoài ra, tại điểm 10.2.9 khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018, có dự liệu về việc trường hợp Chủ đầu tư không phê duyệt Công ty T là Nhà thầu phụ, thì Công ty L vẫn phải có trách nhiệm thanh toán khối lượng được thi công cho Công ty T. Nên trong thời gian Chủ đầu tư chưa có ý kiến về Nhà thầu phụ, thì Công ty T đã hoàn thành Hạng mục Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án đường cao tốc X – , đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Đối với ý kiến của Công ty L về việc Công ty L chưa xác nhận về khối lượng hoàn thành công trình, thì Công ty T không đồng ý, vì Công ty L đã ký vào Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ khối lượng trong dự toán và Bản vẽ thi công, những tài liệu này Công ty T đã cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty T không yêu cầu tính số tiền lãi chậm trả đối với số tiền 5% chi phí bảo hành mà Công ty L đã giữ lại và để thuận tiện trong việc tính toán, Công ty T chỉ tính tiền lãi chậm trả từ ngày 03/10/2018 đến ngày 03/12/2020 (01 năm 02 tháng), với lãi suất 10%/năm, cụ thể: $[(24.004.499.090 \text{ đồng} \times 95\%) - 6.140.534.659 \text{ đồng}] \times 26 \text{ tháng} \times 10\% : 12 = 3.610.476.886 \text{ đồng}$. Yêu cầu Công ty L phải trả cho Công ty T khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Các nội dung yêu cầu khởi kiện khác Công ty T vẫn giữ nguyên.

Tại Văn bản trình bày ý kiến về thông báo thụ lý vụ án và giao nộp chứng cứ số LOTTE.A4-GEN-20-002 đề ngày 09/3/2020 và số LOTTE.A4-GEN-20-007 đề ngày 31/7/2020, các văn bản trình bày ý kiến, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc (sau đây viết tắt là Công ty L) trình bày:

Ngày 06/6/2018, Công ty L ký Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T (sau đây viết tắt là Công ty T), qua đó thực hiện thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X – , Gói thầu A4. Sau khi hoàn thành hạng mục công trình (tháng 10/2018) Công ty L chậm thanh toán giá trị hợp đồng thi công nên Công ty T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Trong đơn khởi kiện, Công ty T đã xác định giá trị thi công từ Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 mà Công ty L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T là 24.004.499.090 đồng. Tuy nhiên, việc xác định giá trị phát sinh của Hợp đồng nguyên tắc trên là không có căn cứ, bởi vì:

Tại Hợp đồng xây lắp số 40/HĐXD-V/2013 ngày 08/11/2013 giữa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (sau đây viết tắt là V) và Công ty L có Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công và hạng mục này là hạng mục tạm tính. Đồng thời, theo thỏa thuận Hợp đồng số 110/BB-V ngày 06/11/2013 giữa V và Công ty L tại mục II, khoản 3 [Các hạng mục tạm tính] thì Nhà thầu (Công ty L) phải đệ trình hồ sơ các hạng mục tạm tính cho Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện.

Do đó, Công ty L đệ trình các văn bản gửi C, V về việc xem xét, chấp thuận kế hoạch biện pháp thi công cho công tác sửa chữa và phục hồi đường địa phương. Ngày 28/12/2017, V có văn bản số 4291/V-QLTC về việc thực hiện công tác hoàn trả đường địa phương đã sử dụng trong quá trình thi công dự án đường cao tốc X – và văn bản số 4292/V-QLTC về việc giao nhiệm vụ Ban Quản lý dự án đường cao tốc X – (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án) phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán hạng mục hoàn trả đường địa phương bị hư hỏng do phục vụ thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X – . Ngày 23/5/2018, Ban Quản lý dự án ban hành văn bản số 411/BQL.ĐNQN-QLTCMB về việc chấp thuận hồ sơ đề xuất hoàn trả địa phương sau khi sử dụng thi công Gói thầu A4, Dự án xây dựng đường cao tốc X – . Như vậy, việc thực hiện thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng địa phương của Nhà thầu Công ty L đã được Ban Quản lý dự án, C phê duyệt.

Căn cứ các văn bản trên, ngày 14/8/2018, Công ty L có thư đệ trình số LOTTE.A4-CDM-18-163 về việc “Đệ trình hồ sơ dự toán hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công” cho Tư vấn giám sát C.,INC. Chi phí hạng mục tạm tính Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công, Gói thầu A4 là 20.367.941.532 đồng (chưa bao gồm VAT). Dự toán chi phí này đã được C chấp thuận tại thư số CDM.DQE-V

A4-017-18 ngày 15/8/2018 và Báo cáo thẩm tra hồ sơ dự toán số CDM.DQE-A4.PS-01620-18-001 ngày 24/8/2018. Căn cứ thư của C, Ban Quản lý dự án chấp thuận và phê duyệt dự toán Hạng mục hoàn trả hạ tầng tại các Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 và số 20a/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018 về việc điều chỉnh Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 – Gói thầu A4. Tuy nhiên, ngày 04/10/2018, Ban Quản lý dự án đã có công văn số EPEMU-PA4-18-38 về việc thu hồi 02 Quyết định phê duyệt nêu trên. Mặc dù vậy, Công ty L đã thanh toán tiền tạm ứng cho T 05 lần với tổng số tiền là 6.140.534.659 đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 nhằm phục vụ quá trình thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng. Do đó, các tuyến đường hoàn trả thuộc Hạng mục hoàn trả bị ảnh hưởng là tuyến ĐH16B, ĐH15, ĐT.622C – Tỉnh Thọ, Tỉnh lộ ĐT.622C, Tuyến QL24B được Nhà thầu phụ thi công hoàn thành và đã được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng theo các Biên bản nghiệm thu ngày 02/10/2018. Công ty L đã có văn bản số LOTTE.A4-CDM-18 ngày 07/12/2018 yêu cầu C cấp Chứng chỉ tiếp nhận công trình vì đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công việc theo đúng hợp đồng.

Để giảm áp lực tài chính việc thanh toán cho Nhà thầu phụ, Công ty L đã thực hiện hướng dẫn của C tại Công văn số CDM.DQE-ALL.PKGS-106-18 ngày 05/12/2018 và tiến hành đệ trình lại Hồ sơ dự toán Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng tại thư số LOTTE.A4-CDM-18-248 ngày 21/12/2018. Hồ sơ được hoàn thiện theo đúng nội dung công văn số 3307/V-QLTC của V ngày 30/11/2018 và đã được C xem xét, đệ trình cho Ban Quản lý dự án phê duyệt qua công văn số CDM.DQE-V.A4-029-18 ngày 24/12/2018. Giá dự toán của Hạng mục này là 21.822.271.900 đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Hồ sơ đệ trình lại đã được C xem xét, chấp thuận đệ trình Ban Quản lý dự án. Tuy nhiên, Ban Quản lý dự án chưa phê duyệt và yêu cầu bổ sung hồ sơ theo yêu cầu về quá trình thực hiện công tác duy trì đảm bảo giao thông và hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công, Công ty L đã có rất nhiều văn bản đôn đốc, yêu cầu các đơn vị nhà thầu phụ (trong đó có Công ty T) khẩn trương hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán công trình để Công ty L đệ trình cho C, Chủ đầu tư (gần đây nhất là văn bản LOTTE.A4-SUB-19-001 ngày 22/01/2019; LOTTE.A4-SUB-19-015 ngày 02/8/2019). Đối với Công ty T, Công ty L đã yêu cầu bổ nhiệm nhân sự có năng lực để cùng Công ty L giải trình hồ sơ với Chủ đầu tư; bổ sung hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán... (tại Thông báo số LOTTE.A4-TB-19-005 ngày 06/9/2019, LOTTE.A4-TB-19-006 ngày 18/10/2019). Tuy nhiên, các Nhà thầu phụ vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ để Công ty L kiểm tra, xác nhận trước khi đệ trình C, Ban Quản lý dự án. Vì vậy, Công ty L đã ban hành văn bản số LOTTE.A4-SUB-19-030 ngày 04/12/2019 gửi đến các Nhà thầu phụ (trong đó có Công ty T) về việc khẩn trương rà soát hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán (thư nhắc nhở cuối cùng) để hoàn thiện hồ sơ và chuẩn bị nội dung làm việc với Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng vào tháng

3/2020. Tại thư nhắc nhở cuối cùng của Công ty L, Công ty T đã đệ trình lại hồ sơ hoàn công các tuyến đường thi công hoàn trả (Công văn số CV/THD-14/12/2019 ngày 14/12/2019). Tuy nhiên, hồ sơ đệ trình lại của Công ty T là bản phô tô (không phải bản gốc), Công ty L không thể hoàn thiện hồ sơ đệ trình Ban quản lý dự án nên đã yêu cầu Công ty T trình hồ sơ gốc và hiện nay Công ty L vẫn chưa nhận được hồ sơ hoàn công gốc của Công ty T. Đồng thời, Công ty T đã gửi văn bản yêu cầu thanh toán giá trị hợp đồng trong khi không kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán. Như vậy, việc Công ty T không đệ trình hồ sơ là đã vi phạm mục 4 khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc không thực hiện trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ. Vì vậy, Ban Quản lý dự án vẫn chưa phê duyệt Dự toán Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công theo đề nghị của Công ty L và C có một phần lỗi của Công ty T. Việc Công ty T phải chuẩn bị bản vẽ hoàn công và hồ sơ hoàn công được thể hiện rõ tại khoản 9.1, khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018.

Việc gửi các thư nhắc nhở Công ty T nộp hồ sơ bản gốc, được Công ty L gửi bằng thư điện tử. Công ty L sẽ cung cấp cho Tòa án các đường link mail để chứng minh điều này, trong thời hạn 10 ngày, tính kể từ ngày 18/9/2020. Nếu hết thời hạn này mà Công ty L không cung cấp cho Tòa án, thì Công ty L chấp nhận chịu hậu quả của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, tại mục 1.2 Điều 1 Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 giữa Công ty L với Công ty T, đơn giá cho thi công là 95% đơn giá được Chủ đầu tư phê duyệt. Như vậy, Công ty T xác định giá trị thi công Hạng mục Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công ở Dự án xây dựng đường cao tốc X – , Gói thầu A4 là 21.822.271.900 đồng (chưa bao gồm thuế VAT) là không có cơ sở pháp lý, vì tính đến hiện nay, đơn giá thi công cho Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng nêu trên vẫn chưa được Chủ đầu tư phê duyệt.

Theo khoản 4.2.2 Điều 4.2 Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 và văn bản ngày 10/10/2019 của Công ty T, Công ty L đã xác nhận Nhà thầu sẽ thanh toán lại cho nhà thầu phụ trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được tiền từ Chủ đầu tư. Tuy nhiên, dự toán giá trị thi công Hạng mục Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng trên chưa phê duyệt, nên Công ty L chưa được Chủ đầu tư thanh toán. Căn cứ theo điều khoản trên của Hợp đồng nguyên tắc, việc Công ty T yêu cầu Công ty L phải thanh toán khoản giá trị thi công còn lại là 17.863.964.431 đồng là không có cơ sở.

Vì chưa được Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) phê duyệt, thanh toán và Công ty T không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán nên Công ty L chưa thể thanh toán khoản giá trị thi công còn lại cho Công ty T. Do vậy, Công ty L không hề vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán đối với Công ty T. Công ty T buộc Công ty L phải trả tiền lãi cho khoản giá trị thi công từ ngày 03/10/2018 đến ngày 02/12/2019, sau khi

trừ đi khoản tiền bảo hành 5% với mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không phù hợp.

Công ty L hiểu được áp lực tài chính của Công ty T, tuy nhiên việc phối hợp giữa Công ty L và Công ty T về công tác hoàn thành hồ sơ hoàn công, hồ sơ đề nghị thanh toán không được thực hiện nên đối với yêu cầu trả gốc và lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng nguyên tắc, Công ty L không đồng ý.

Khi được Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ đề trình và chấp thuận thanh toán Hạng mục Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng, Công ty L cam kết khi nhận được tiền sau 03 ngày sẽ thanh toán phần giá trị còn lại cho Công ty T đúng theo thỏa thuận giữa hai bên sau trừ số tiền tạm ứng là 6.140.534.659 đồng và khoản tiền giữ lại 5% (chi phí bảo hành). Công ty L giữ lại 5% giá trị hợp đồng mặc dù công trình đã hoàn thành bởi vì theo điểm 6.3.1 khoản 6.3 Điều 6 Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046, Nhà thầu phụ (Công ty T) phải cung cấp cho Nhà thầu (Công ty L) một bảo lãnh được phát hành bởi một Ngân hàng được Nhà thầu chấp thuận và trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hành chứng nhận nghiệm thu tạm thời (PAC). Mặt khác, Công ty sẽ cấp Chứng nhận nghiệm thu tạm thời sau khi Công ty T hoàn thành công việc và Công ty L nhận được chứng nhận hoàn thành từ Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc. Như vậy, khi nào nhận được chứng nhận hoàn thành từ Chủ đầu tư, Công ty L sẽ phát hành Chứng nhận nghiệm thu tạm thời, sau đó Công ty T phải có trách nhiệm cung cấp một bảo lãnh bảo hành và giá trị bảo lãnh bảo hành phải hợp lệ (thời gian bảo hành được tính từ 02 năm kể từ ngày cấp Chứng nhận nghiệm thu hoàn thành), Công ty L sẽ thanh toán cuối cùng 5% giá trị hợp đồng giữ lại theo quy định của Hợp đồng nguyên tắc.

Đối với ý kiến của Công ty T về việc Công ty L không đệ trình hồ sơ Nhà thầu phụ cho Chủ đầu tư, thì Công ty L có ý kiến phản hồi như sau: Ngày 02/5/2018, Công ty L có văn bản số LOTTE.A4-CDM-18-087A đề nghị Tư vấn giám sát C xác nhận Nhà thầu phụ thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng là Công ty T, sau đó đến ngày 25/5/2018 Tư vấn giám sát C chấp thuận và có văn bản số CDM.DQE-V-A4-011-18 về việc đề xuất Chủ đầu tư chấp thuận Nhà thầu phụ là Công ty T, nhưng Chủ đầu tư không trả lời ngay mà mãi đến ngày 09/11/2018, Chủ đầu tư mới có ý kiến tại văn bản số EPMU-PKA4-18-44 gửi Tư vấn giám sát C về việc trả lại hồ sơ đệ trình nhà thầu phụ và yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ nhằm đảm bảo tính hợp pháp của Hồ sơ đệ trình. Sau đó, C có văn bản số CDM.DQE-LTE.A4-029-18 ngày 12/11/2018 yêu cầu bổ sung tài liệu về Nhà thầu phụ. Cũng trong ngày 12/11/2018, Công ty L có văn bản số LOTTE.A4-TB-18-003 về việc yêu cầu Công ty T bổ sung hồ sơ theo như yêu cầu của Chủ đầu tư về Nhà thầu phụ. Trong thời gian đợi Chủ đầu tư có ý kiến về Nhà thầu phụ, vào ngày 06/6/2018 giữa Công ty L với Công ty T ký Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 và

sau đó Công ty T tiến hành thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án đường cao tốc X – .

Đối với ý kiến của Công ty T về nội dung khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc, Công ty L có ý kiến như sau: Thứ nhất, tại điểm 4.2.1 Điều 4 có quy định Công ty L sẽ thanh toán cho Công ty T dựa trên khối lượng hoàn thành và được chấp nhận. Thứ 2, tại phần 2 điểm 4.2.2 khoản 4.2 Điều 4 có quy định thanh toán sẽ được chuyển cho Nhà thầu phụ trong vòng 03 ngày sau khi Nhà thầu chính nhận được nó từ Chủ đầu tư.

Đối với nội dung tại điểm 10.2.9 khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng nguyên tắc, Công ty L có ý kiến là có sự sai về nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, cụ thể: Nội dung tiếng Anh là các chi phí giá trị bao gồm cả chi phí huy động, giải thể và bất kỳ chi phí phát sinh khác sẽ do Công ty T chịu trách nhiệm, khác với nội dung tiếng Việt trong hợp đồng và theo quy định tại Điều 14 Hợp đồng nguyên tắc, thì khi có sự sai khác giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, thì sẽ ưu tiên áp dụng nội dung tiếng Anh.

Sau khi ký Biên bản nghiệm thu công trình ngày 02/10/2018 và đưa vào sử dụng, có hay không việc Ủy ban nhân dân huyện S hay Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có công văn yêu cầu Công ty L sửa chữa, khắc phục công trình hoàn trả, sau đó Công ty L có văn bản yêu cầu Công ty T khắc phục, thì Công ty L sẽ kiểm tra lại và sẽ có ý kiến bằng văn bản, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục công trình hoàn trả sau khi nghiệm thu công trình, gửi cho Tòa án trong thời hạn 10 ngày, tính kể từ ngày 18/9/2020. Hết thời hạn này mà Công ty L không có ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên thì Công ty L chấp nhận chịu hậu quả của việc không cung cấp được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bị đơn đề nghị Tòa án bổ sung Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án. Bị đơn sẽ trình bày ý kiến bằng văn bản cụ thể và sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lý do vì sao phải bổ sung Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, khoản 1, 2 Điều 278, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 138, 139, 140 và 141, 144 Luật xây dựng năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10 và Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ

quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T.

1.1. Xác định giá trị khối lượng thi công thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 giữa Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T (nay đã đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T), là 24.004.499.090 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, không trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, không trăm chín mươi đồng*) (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

1.2. Buộc Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T số tiền còn nợ gốc là 17.863.964.431 đồng (*Mười bảy tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi một đồng*).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T về việc không tính số tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 5% chi phí bảo hành mà Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc đã giữ lại. Buộc Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 03/10/2018 đến ngày 03/12/2020 là 3.610.476.886 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm mười triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi sáu đồng*).

Tổng cộng [1.2] và [1.3]: Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T số tiền 21.474.441.317 đồng (*Hai mươi một tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, ba trăm mười bảy đồng*), trong đó tiền còn nợ gốc là 17.863.964.431 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 3.610.476.886 đồng.

1.4. Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc còn phải tiếp tục trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (20/12/2020) đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Bản án còn quyết định về án phí, và quyền kháng cáo của đương sự.

Trong hạn luật định, Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc kháng cáo bản án với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại X cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 06/6/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn có ký Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 với nội dung: Công ty L thuê Công ty T thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công Dự án xây dựng đường cao tốc X – (bao gồm thiết kế bản vẽ thi công) và những phần công việc phát sinh thêm dựa trên thỏa thuận của hai bên; ngoài ra, Hợp đồng còn ghi nhận các thỏa thuận khác của hai bên về trường hợp bất khả kháng, các trường hợp chấm dứt hợp đồng và các nội dung liên quan khác.

Xét thấy: Việc ký kết hợp đồng giữa nguyên đơn với bị đơn là trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 138, 140 và 141 Luật xây dựng năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, các Điều 4, 5, 8, 9 và 10 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Do đó, Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 139 Luật xây dựng năm 2014; Điều 6 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc cho rằng cần phải đưa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn về tranh chấp hợp đồng thi công công trình là “*Thi công hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công ở Dự án xây dựng đường cao tốc X – , Gói thầu A4*”. Mặc dù không đưa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng có nhiều văn bản yêu cầu phía V có ý kiến trình bày về những vấn đề mà phía Công ty L yêu cầu. Tại Công văn số 1081/V-QLTC ngày 17/8/2020 (Bút lục 4057), Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) xác định “*Công ty T không phải là Nhà thầu phụ do V chấp thuận. Công ty L (Nhà thầu chính gói thầu A4 thuộc Dự án), Ban QLDA đường cao tốc X – cũng không trình V đề nghị chấp thuận Công ty T là Nhà thầu phụ theo quy định của Dự án... V nhận thấy việc tranh chấp hợp đồng thi công giữa Công ty L và Công ty T do hai đơn vị này giải quyết*”. Mặt khác, Công ty L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong tranh chấp giữa Công ty T và Công ty L. Căn cứ vào các ý kiến của các bên, đồng thời xác định nghĩa vụ phải thanh toán là của Công ty L. Bản án sơ thẩm đã viện dẫn, nhận định và không đưa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra tại tiểu mục 2.5 và 2.7 mục 2 phần I của Biên bản đàm phán hợp đồng số 110/BB –V ngày 6 tháng 11 năm 2013 giữa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) và Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc cũng thể hiện: Trách nhiệm của Công ty L như sau:

2.5 “*Nhà thầu phải làm việc và thỏa thuận với chính quyền địa phương về việc sử dụng các tuyến đường phục vụ thi công dự án*”

2.7 “*... Có trách nhiệm khẩn trương khắc phục mọi vấn đề ảnh hưởng đến người dân do việc thi công bằng chính kinh phí của Nhà Thầu.*”. Do vậy đơn kháng cáo của bị đơn về nội dung nêu trên không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của Bị đơn về xác định giá trị khối lượng thi công thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 giữa Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T và nghĩa vụ phải thanh toán tiền cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hợp đồng ký kết giữa các bên là tự nguyện, trong quá trình thi công phía Công ty T đã thực hiện đúng cam kết của hợp đồng về tiến độ, cũng như chất lượng công trình điều này thể hiện công trình đã được nghiệm thu giữa 03 bên trong đó có đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và đưa vào sử dụng đã qua thời hạn bảo hành tính đến thời điểm này là hơn 03 năm. Tại các Văn bản trình bày

ý kiến số LOTTE.A4-GEN-20-002 đề ngày 09/3/2020, số LOTTE.A4-GEN-20-007 đề ngày 31/7/2020 và tại phiên tòa, đại diện của Công ty L cũng thừa nhận Công ty T đã hoàn thành xong Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công và các tuyến đường đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng kể từ ngày 02/10/2018 cho đến nay. Như vậy, đủ cơ sở để xác định Công ty T đã thực hiện xong Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công các tuyến đường tỉnh lộ ĐT.622C, tuyến QL.24B, tuyến Ngân Giang – Tịnh Thọ (ĐH.16B), tuyến Bình Hiệp – Tịnh Trà (ĐH.15), tuyến ĐT.622C – Tịnh Thọ (ĐH.20 – Trường Xuân – QL.24B – Tịnh Thọ) và Công ty L đã bàn giao đưa vào sử dụng đảm bảo về mặt chất lượng công trình, nên nội dung thi công trong Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 đã được thực hiện xong.

Mặc dù công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng, nhưng phía Công L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, điều này gây nên những thiệt hại, khó khăn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T. Do vậy, đơn kháng cáo của Công ty L cho rằng việc xác định khối lượng công trình không đúng là không được chấp nhận bởi căn cứ sau:

[3.2] Theo 02 Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 và số 20a/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018, Ban Quản lý dự án phê duyệt Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công có giá trị dự toán hạng mục là 20.441.576.219 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT). Tuy nhiên, đến ngày 04/10/2018, Ban Quản lý dự án có văn bản số EPMU-PKA2-18-38 về việc thu hồi văn bản số 20/QĐ-BQL.ĐNQN và 20a/QĐ-BQL.ĐNQN, để báo cáo Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V chấp thuận trước khi Ban Quản lý dự án phê duyệt.

Tại Hồ sơ Dự toán hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công được Công ty L đệ trình ngày 21/12/2018 và được Nhà thầu giám sát thi công C đề xuất chấp thuận ngày 24/12/2018 (**Bút lục 3822 đến 3829**), Công ty L xác định tổng giá trị thi công thực tế Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng là 21.822.271.900 đồng, 10% thuế giá trị gia tăng VAT là 2.182.227.190 đồng, tổng cộng là 24.004.499.090 đồng. Như vậy, mặc dù giá trị phê duyệt dự toán hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng đã bị Ban Quản lý dự án thu hồi, nhưng các tuyến đường hoàn trả trên thực tế đã được Công ty T thi công, đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Công ty L cũng đã xác định tổng giá trị thi công thực tế Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng là 21.822.271.900 đồng, 10% thuế giá trị gia tăng VAT là 2.182.227.190 đồng, tổng cộng là 24.004.499.090 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định giá trị khối lượng thi công thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 là 24.004.499.090 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

[3.3] Về ý kiến của Công ty L cho rằng các bên đã xác nhận, Nhà thầu sẽ thanh toán lại cho nhà thầu phụ trong vòng 03 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được

tiền từ Chủ đầu tư. Tuy nhiên, dự toán giá trị thi công Hạng mục Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng trên chưa phê duyệt, nên Công ty L chưa được Chủ đầu tư thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Công ty L là không có cơ sở được chấp nhận bởi những căn cứ như sau:

Thứ nhất: Theo quy định tại điểm 10.2.9 khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 “*Nếu TVGS và Chủ đầu tư yêu cầu chấp thuận của nhà thầu phụ thì Bên B có trách nhiệm hoàn toàn trong việc nhận được sự phê duyệt thầu phụ của Chủ đầu tư là Nhà thầu phụ của công ty L E&C. Nếu bên B không được phê duyệt từ Chủ đầu tư, chi phí huy động và giải thể và bất kỳ chi phí phát sinh nào sẽ thuộc về trách nhiệm của bên B. Chỉ được thanh toán khối lượng chấp thuận được thực hiện trong quá trình thi công*” (Bút lục 3052). Theo nội dung của điều khoản nêu trên, có cơ sở để xác định được rằng trường hợp Chủ đầu tư không chấp thuận hoặc chưa có văn bản chấp thuận bên B (Công ty T) là Nhà thầu phụ của Công ty L, thì bên B không được thanh toán các chi phí huy động và giải thể và bất kỳ chi phí phát sinh nào; bên B chỉ được thanh toán khối lượng chấp thuận được thực hiện trong quá trình thi công.

Thứ hai: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ “1. Một hợp đồng thầu chính có thể có nhiều hợp đồng thầu phụ. Khi ký hợp đồng thầu phụ, tổng thầu, nhà thầu chính hoặc nhà thầu nước ngoài phải thực hiện theo các quy định sau: ...c) Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được chủ đầu tư chấp thuận”. Theo đó, trách nhiệm trình hồ sơ đề Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V chấp thuận Công ty T là nhà thầu phụ của Công ty L trong Gói thầu A4 (Km110+100 – Km124+700) Dự án xây dựng đường cao tốc X – , là thuộc về Công ty L, không phải là của Công ty T. Sau khi có văn bản số LOTTE.A4-CDM-18-087A ngày 02/5/2018, đề nghị tư vấn giám sát xác nhận Nhà thầu phụ thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng, nhưng khi chưa được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Công ty L vẫn ký Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 với Công ty T, như vậy đủ cơ sở khẳng định Công ty L đã tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến Hạng mục hoàn trả, mặc cho Chủ đầu tư không chấp thuận Công ty T là Nhà thầu phụ của Công ty L.

Như vậy, với việc Chủ đầu tư là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V (V) chưa có văn bản chấp thuận Công ty T là nhà thầu phụ của Công ty L, cùng với việc Ban Quản lý dự án có văn bản thu hồi 02 Quyết định số 20/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 24/8/2018 và số 20a/QĐ-BQL.ĐNQN ngày 27/8/2018, cũng đồng nghĩa tính đến hiện nay, Công ty T không phải là Nhà thầu phụ của Công ty L trong Gói thầu A4 (Km110+100 – Km124+700) Dự án xây dựng đường cao tốc X – theo Hợp đồng xây lắp số 40/HĐXD-V/2013 ngày 08/11/2013 giữa Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc V và Công ty L. Vì vậy, quan hệ giữa Công ty T

với Công ty L là quan hệ giữa 02 Pháp nhân độc lập, Công ty L thỏa thuận thuê Công ty T thực hiện thi công đối với Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công – Gói thầu A4 (Km110+100 – Km124+700) Dự án xây dựng đường cao tốc X – , tại các tuyến đường tỉnh lộ ĐT.622C, tuyến QL.24B, tuyến Ngân Giang – Tịnh Thọ (ĐH.16B), tuyến Bình Hiệp – Tịnh Trà (ĐH.15), tuyến ĐT.622C – Tịnh Thọ (ĐH.20 – Trường Xuân – QL.24B – Tịnh Thọ), nên Công ty T phải được chính Công ty L trả tiền, theo khối lượng công việc thi công thực tế.

Xác định nghĩa vụ thanh toán là của Công ty L bằng chính kinh phí của Công ty L. Do vậy ý kiến của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm xác định giá trị khối lượng thi công thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 giữa Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T là 24.004.499.090 đồng, sẽ ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định việc Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán tiền thi công Hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do thi công (bao gồm số tiền 5% chi phí bảo hành) mà Công ty T đã chi ra để hoàn thành thi công công trình, sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng trước đó, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc Công ty L chậm thanh toán cho Công ty T số tiền rất lớn, tính đến thời điểm này là 03 năm kể từ khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng, đã gây nên những thiệt hại về kinh tế cho Công ty T trong đó có những quyền lợi của người lao động làm công cho Cty T. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét do vậy đơn kháng cáo của Công ty L không có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Công ty L còn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, khoản 1, 2 Điều 278, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 138, 139,

140 và 141, 144 Luật xây dựng năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10 và Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T.

1.1. Xác định giá trị khối lượng thi công thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số L.A4-046 ngày 06/6/2018 giữa Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Công trình thủy điện T (nay đã đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T), là 24.004.499.090 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, không trăm linh bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi đồng*) (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

1.2. Buộc Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T số tiền còn nợ gốc là 17.863.964.431 đồng (*Mười bảy tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng*).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T về việc không tính số tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 5% chi phí bảo hành mà Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc đã giữ lại. Buộc Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 03/10/2018 đến ngày 03/12/2020 là 3.610.476.886 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm mười triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*).

Tổng cộng [1.2] và [1.3]: Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T số tiền 21.474.441.317 đồng (*Hai mươi một tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm mười bảy đồng*), trong đó tiền còn nợ gốc là 17.863.964.431 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 3.610.476.886 đồng.

1.4. Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc còn phải tiếp tục trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng T khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (20/12/2020) đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty L Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Số tiền Công ty L

Engineering And Construction Co., LTD Hàn Quốc đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006389 ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT II);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành